

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của
thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam**

Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư sau:

1. Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020;

2. Thông tư số 08/2024/TT-BCT ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2024.

3. Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 189/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh với hàng hóa nước ngoài.

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam như sau:¹

¹ Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành.”

Thông tư số 08/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực xuất nhập khẩu có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.”

Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.”

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.
2. Thông tư này áp dụng với thương nhân nước ngoài thuộc các nước, vùng lãnh thổ là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO và các nước, vùng lãnh thổ có thỏa thuận song phương với Việt Nam về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.
3. Thông tư này không điều chỉnh hoạt động kinh doanh tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của thương nhân nước có chung đường biên giới.

Điều 2. Thực hiện quyền xuất khẩu

1. Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là thương nhân không hiện diện) đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện quyền xuất khẩu như sau:
 - a) Được xuất khẩu các mặt hàng không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền xuất khẩu theo cam kết quốc tế. Đối với hàng hóa xuất khẩu có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;
 - b) Đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, thực hiện theo lộ trình cam kết;
 - c) Được trực tiếp làm thủ tục xuất khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật trên cơ sở hợp đồng mua hàng ký với thương nhân Việt Nam;
 - d) Mặt hàng xuất khẩu phải phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

2. Thương nhân không hiện diện chỉ được trực tiếp mua hàng hóa của thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền xuất khẩu hoặc quyền phân phối hàng hóa đó để xuất khẩu; không được tổ chức mạng lưới mua gom hàng hóa tại Việt Nam để xuất khẩu, bao gồm việc mở địa điểm để mua gom hàng hóa xuất khẩu, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 3. Thực hiện quyền nhập khẩu

1. Thương nhân không hiện diện đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện quyền nhập khẩu như sau:

a) Được nhập khẩu các mặt hàng không thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng nhập khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền nhập khẩu theo cam kết quốc tế. Đối với hàng hóa nhập khẩu có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, thực hiện theo lộ trình cam kết;

c) Được trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật trên cơ sở hợp đồng bán hàng ký với thương nhân Việt Nam;

d) Mặt hàng nhập khẩu phải phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

2. Thương nhân không hiện diện chỉ được trực tiếp bán hàng nhập khẩu cho các thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền phân phối hàng hóa đó, không được tổ chức hoặc tham gia hệ thống phân phối hàng hóa tại Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Chương II

HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN,

THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU,

QUYỀN NHẬP KHẨU

Điều 4. Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn

1. Thương nhân không hiện diện gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan cấp phép² để được xem xét cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

2. Thời hạn cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn Giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 90/2007/NĐ-CP).

3. Thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu là 05 (năm) năm.

Điều 5. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện theo Mẫu MĐ-1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài nơi thương nhân đăng ký thành lập về việc thương nhân không hiện diện không bị tước quyền hoạt động thương mại hoặc đang chịu các hình phạt liên quan đến hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật nước ngoài nơi thương nhân nước ngoài thành lập;

c) Bản chính Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài nơi thương nhân đăng ký thành lập về việc thương nhân không hiện diện không có tiền án, không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự đối với thương nhân không hiện diện là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật đối với thương nhân không hiện diện là tổ chức kinh tế;

² Cụm từ “Vụ Xuất nhập khẩu” được thay thế bởi cụm từ “Cục Xuất nhập khẩu” theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 08/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2024.

Cụm từ “Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu)” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan cấp phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương đối với thương nhân là tổ chức kinh tế; bản sao có chứng thực giấy chứng minh thư, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thương nhân là cá nhân;

đ) Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc nghĩa vụ tài chính trong năm tài chính gần nhất do cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc các văn bản khác do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất theo quy định của pháp luật nước đó;

e) Bản chính văn bản xác nhận vốn kinh doanh, số tài khoản tại ngân hàng nơi thương nhân nước ngoài thành lập;

g) Văn bản thỏa thuận giữa người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam với thương nhân không hiện diện, nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại;

h) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức kinh tế đại diện cho thương nhân không hiện diện tại Việt Nam hoặc bản sao có chứng thực chứng minh thư, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với người đại diện là cá nhân.

3. Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 2 Điều này phải được dịch sang tiếng Việt và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp văn bản quy định tại điểm g khoản 2 Điều này bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự.

Điều 6. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

1. Khi sửa đổi, bổ sung một trong những nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, thương nhân không hiện diện phải thông báo cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận và đồng thời phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện theo Mẫu MĐ-2, MĐ-3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đã được cấp. Trong trường hợp Bản gốc bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy thì thương nhân không hiện diện phải xuất trình Bản sao có chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan chức năng;

c) Bản chính Giấy xác nhận của cơ quan thuế Việt Nam về việc thương nhân không hiện diện đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam tính đến thời điểm thương nhân không hiện diện xin sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu;

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương đối với thương nhân là tổ chức kinh tế; bản sao có chứng thực giấy chứng minh thư, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thương nhân là cá nhân;

đ) Bản sao có chứng thực tài liệu pháp lý chứng minh sự thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

3. Các giấy tờ quy định tại điểm d và đ khoản 2 Điều này phải được dịch sang tiếng Việt và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 7. Hồ sơ gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

1. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện theo Mẫu MĐ-4 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đã được cấp hoặc Bản sao có chứng thực trong trường hợp Bản gốc bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy;

c) Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc nghĩa vụ tài chính trong năm tài chính gần nhất do cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc các văn bản khác được tổ chức độc lập, có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất theo quy định của pháp luật nước đó;

d) Báo cáo về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đến thời điểm đề nghị gia hạn, trên cơ sở tổng hợp các báo cáo hoạt động định kỳ hàng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này;

đ) Bản chính Giấy xác nhận của cơ quan thuế Việt Nam về việc thương nhân không hiện diện đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam tính đến thời điểm thương nhân không hiện diện xin gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

2. Các giấy tờ quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều này phải được dịch sang tiếng Việt và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Sau khi hết thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đã được gia hạn, nếu thương nhân không hiện diện vẫn có nhu cầu đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thì phải làm thủ tục đăng ký gia hạn như quy định về hồ sơ và thủ tục gia hạn lần đầu nêu trên.

Điều 8. Gia hạn và sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Trong trường hợp thương nhân không hiện diện đề nghị gia hạn đồng thời với việc sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, hồ sơ đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung thực hiện theo các quy định tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư này, trong đó Đơn đề nghị gia hạn và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện theo Mẫu MĐ-5 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Chấm dứt quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam

1. Việc chấm dứt quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam của thương nhân không hiện diện thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP.

2. Thương nhân không hiện diện chấm dứt quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP phải gửi văn bản tới cơ quan cấp phép³ thông báo về việc dự kiến chấm dứt hoạt động của thương nhân không hiện diện theo Mẫu TB Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Thu hồi Giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Thương nhân không hiện diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP.

³ Cụm từ “Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan cấp phép” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Chương III

TRÁCH NHIỆM THÔNG BÁO VÀ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM

Điều 11. Thông báo hoạt động

1. Sau khi được cấp, sửa đổi, bổ sung gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, thương nhân không hiện diện phải thực hiện việc công bố công khai nội dung được cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký của mình trên các phương tiện thông tin đại chúng phổ biến theo quy định tại khoản 3 Điều 9, khoản 4 Điều 12, khoản 6 Điều 13 Nghị định 90/2007/NĐ-CP.

2. Các phương tiện thông tin đại chúng phổ biến bao gồm báo hình, báo tiếng, báo mạng, báo in được phát hành toàn quốc tại Việt Nam.

Điều 12. Báo cáo hoạt động định kỳ và đột xuất

1.⁴ Báo cáo hoạt động định kỳ hằng năm của thương nhân không hiện diện phải là báo cáo tài chính có kiểm toán và thực hiện theo Mẫu BC Phụ lục I, ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo phải được dịch sang tiếng Việt và được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc công chứng Việt Nam xác nhận. Báo cáo được gửi về cơ quan cấp phép⁵ qua dịch vụ bưu chính chậm nhất là ngày 31 tháng 3 hằng năm của năm tiếp theo.

2. Thương nhân không hiện diện có trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan cấp phép⁶ khi cần thiết để phục vụ công tác quản lý nhà

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.

⁵ Cụm từ “Vụ Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan cấp phép” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁶ Cụm từ “Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan cấp phép” theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Thông tư 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

nước. Thông tin, báo cáo phải được gửi tới cơ quan cấp phép⁷ trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu của cơ quan cấp phép⁸.

3. Chế độ báo cáo tài chính khác, chế độ báo cáo thống kê của thương nhân không hiện diện được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁹

⁷ Cụm từ “Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan cấp phép” theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Thông tư 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁸ Cụm từ “Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan cấp phép” theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Thông tư 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁹ Điều 37 của Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020 quy định như sau:

“Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.
2. Bãi bỏ các quy định sau:
 - a) Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 33/2016/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2015 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh.
 - b) Điều 4 Thông tư số 51/2018/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.
 - c) Khoản 20 Điều 1 Thông tư số 31/2018/TT-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.
 - d) Điều 29 Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực
3. Các chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực Công Thương hiện hành phải đảm bảo thời gian chốt số liệu báo cáo theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để được hướng dẫn, giải quyết./”

Điều 5 của Thông tư số 08/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2024 quy định như sau:

“Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2024.
2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có phát sinh vướng mắc, thương nhân, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương để được xử lý./”

Điều 37 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 37. Điều khoản thi hành

Điều 13. Trách nhiệm thi hành¹⁰

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu thay thế trong các thủ tục hành chính tại Phụ lục I, các biểu mẫu mới quy định trong các thủ tục hành chính tại Phụ lục II.
3. Quy định chuyển tiếp
Các Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận đối với các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp, phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn tại Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận theo quy định.
4. Thông tư này bãi bỏ:
 - a) Điểm d khoản 2 Điều 4, khoản 3 Điều 18 Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;
 - b) Cụm từ “Vụ Khoa học và công nghệ” tại điểm a khoản 4 Điều 11; cụm từ “Sở Công Thương” tại ghi chú số (5) Mẫu 01, ghi chú số (7) Mẫu 02 Phụ lục IV Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;
 - c) Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí;
 - d) Điều 17 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
 - e) Cụm từ “theo đường bưu điện” trong nội dung Thông tư số 11/2015/TT-BCT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
 - f) Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.
 - g) Điều 2 Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.
 - h) Phụ lục 11, 12, 13, 14, 15 ban hành kèm theo Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.
 - i) Khoản 1, khoản 2 Điều 18 Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;
 - k) Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử;
 - l) Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động;
 - m) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;
 - n) Khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;
 - o) Điều 15 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
 - p) Khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 7, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Thông tư 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hóa cho thương nhân không hiện diện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP và hướng dẫn của Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu cấp cho thương nhân không có hiện diện sẽ được lập thành 03 bản để gửi cho thương nhân không hiện diện (01 bản); lưu tại cơ quan cấp phép (01) bản; gửi cơ quan Hải quan để phối hợp quản lý (01 bản).

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2012.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: **28** /VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày **16** tháng **7** năm 2025

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Báo Công Thương (để đăng Website BCT);
- Vụ PC (để đăng CSDLQG về VBPL);
- Lưu: VT, XNK.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân



PHỤ LỤC I

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN GIẤY
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU,
MẪU THÔNG BÁO DỰ KIẾN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ MẪU BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN
TẠI VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 28 /2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ
Công Thương)*

**Mẫu MD-1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu,
quyền nhập khẩu**

Địa điểm, ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT
KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Cơ quan cấp phép¹¹

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của thương nhân:.....

Địa chỉ:

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)
.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:.....tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Đại diện theo pháp luật:(đại diện theo thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Tóm tắt quá trình hoạt động của thương nhân:
.....
.....

**Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam đối
với nội dung cụ thể như sau:**

Tên giao dịch của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:.....

Tên viết tắt (nếu có):

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Nhóm hàng đăng ký xuất khẩu¹.....

Nhóm hàng đăng ký nhập khẩu².....

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

¹ Mỗi nhóm hàng xuất khẩu bao gồm các mặt hàng thuộc một chương của biểu thuế

² Mỗi nhóm hàng nhập khẩu bao gồm các mặt hàng thuộc một chương của biểu thuế

¹¹ Cụm từ “Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “Cơ quan cấp phép” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.



Họ và tên:
Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện.
tỉnh/thành phố).....
Điện thoại:.....Fax:.....
Email:.....Website (nếu có):.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)³

³ Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức



Mẫu MD-2. Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Địa điểm, ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU**

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép¹²]

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Địa chỉ liên lạc tại nước sở tại: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện theo thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Họ và tên:

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Số:.....

Do: cấp ngày.... tháng.... nămtại.....

Số tài khoản ngoại tệ.....tại ngân hàng.....

Số tài khoản tiền Việt Nam.....tại ngân hàng.....

Điện thoại:Fax:.....

Email.....Website (nếu có):.....

Chúng tôi đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam đối với nội dung cụ thể như sau:

Nội dung điều chỉnh:.....

Lý do điều chỉnh:.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

¹² Cụm từ “Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “Cơ quan cấp phép” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.



Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)⁴

⁴ Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức



**Mẫu MD-3. Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu,
quyền nhập khẩu**

Địa điểm, ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT
KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Cơ quan cấp phép¹³

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)
.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:.....tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện theo thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Tên thương nhân (ghi theo tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

Tên viết tắt thương nhân (nếu có):.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Địa chỉ liên lạc tại nước sở tại: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố):.....

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu số:.....

Do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Ngày hết hạn:.....

Số tài khoản ngoại tệ:.....Tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản tiền Việt Nam:.....tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Nội dung hoạt động của thương nhân: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:

¹³ Cụm từ “Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “Cơ quan cấp phép” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

huda

Họ và tên:
Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện.
tỉnh/thành phố).....
Điện thoại:.....Fax:.....
Email:.....Website (nếu có):.....

Chúng tôi đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam đối với nội dung cụ thể như sau:

.....
.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)⁵

⁵ Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức



Mẫu MĐ-4. Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Địa điểm, ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Cơ quan cấp phép¹⁴

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh)

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh)

Giấy phép thành lập (dăng ký kinh doanh) số:.....

do.....cấp ngày.... tháng... năm.... Tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website (nếu có):.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Tên thương nhân (ghi theo tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

Tên viết tắt (nếu có):.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Địa chỉ liên lạc tại nước sở tại: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố):.....

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu số:.....

Do..... cấp ngày... tháng... năm..... tại.....

Ngày hết hạn:.....

Số tài khoản ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản tiền Việt Nam:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có):.....

Nội dung hoạt động của thương nhân: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

¹⁴ Cụm từ “Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “Cơ quan cấp phép” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.



Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:

Họ và tên:

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện. tỉnh/thành phố).....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Chúng tôi đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu với nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị gia hạn:.....

2. Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm:.....

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)⁶

⁶ Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức



Mẫu MĐ-5. Đơn đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Địa điểm, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU

Kính gửi: Cơ quan cấp phép¹⁵

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

do:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:.....tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện theo thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Tên thương nhân (ghi theo tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

Tên viết tắt (nếu có):

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Địa chỉ liên lạc tại nước sở tại: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố):.....

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu số:.....

Docấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Ngày hết hạn:.....

Số tài khoản ngoại tệ:.....tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản tiền Việt Nam:.....tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website: (nếu có):.....

Nội dung hoạt động của thương nhân: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:

Họ và tên:

¹⁵ Cụm từ “Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “Cơ quan cấp phép” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.



Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Chúng tôi đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập với nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị gia hạn:.....

2. Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm:.....

3. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

4. Nội dung điều chỉnh:.....

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, nhập khẩu.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)⁷

⁷ Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức



Mẫu TB. Thông báo dự kiến chấm dứt hoạt động của Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam

Địa điểm, ngày tháng năm

THÔNG BÁO DỰ KIẾN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM

(ghi tên theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu)

Kính gửi: Cơ quan cấp phép¹⁶

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:

Họ và tên:

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện. tỉnh/thành phố):.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Thông báo dự kiến chấm dứt hoạt động của:

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên thương nhân trong Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

Tên viết tắt (nếu có):

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong đơn đề nghị)

Tên viết tắt (nếu có):.....

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu số:

.....

Do:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Thời hạn hoạt động: từ ngày... tháng... năm... đến ngày.....tháng.....năm.....

Thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động: ngày... tháng... năm ...

Lý do chấm dứt hoạt động:.....

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung thông báo này.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)⁸

⁸ Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức

¹⁶ Cụm từ “Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “Cơ quan cấp phép” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

**Mẫu BC. Báo cáo hoạt động của Thương nhân nước ngoài
không có hiện diện tại Việt Nam**

Địa điểm, ngày tháng năm

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN
DIỆN TẠI VIỆT NAM**
(Năm.....)

Kính gửi: Cơ quan cấp phép¹⁷

Tên thương nhân: (ghi rõ tên theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu)
xin báo cáo hoạt động của chúng tôi trong thời gian từ ngày ... tháng ... năm... đến ngày..
tháng... năm..., với nội dung như sau:

I. Tên Thương nhân nước ngoài

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên thương nhân trong Giấy chứng nhận đăng
ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong
Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):

.....
Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu số:
.....

Do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Thời hạn hoạt động: từ ngày... tháng... năm... đến ngày.....tháng.....năm...

Địa chỉ trụ sở chính của thương nhân (ghi theo Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị
tương đương):

Điện thoại:.....Fax:.....

Email: (nếu có).....

Số tài khoản ngoại tệ:.....tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản tiền Việt Nam:.....tại Ngân hàng:.....

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Họ và tên:

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện. tỉnh/thành
phố):

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

II. Hoạt động của Thương nhân

¹⁷ Cụm từ “Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “Cơ quan cấp phép” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

1. Nội dung hoạt động của Thương nhân (ghi cụ thể theo Giấy đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

2. Tình hình hoạt động thực tế trong năm:

STT	Nội dung hoạt động	Đối tác	Mặt hàng	Trị giá USD		Dự báo năm tiếp theo	Thị trường (nước)	Ghi chú
				Ký kết	Thực hiện			
A1								
....								
B1								
...								

III. Đánh giá chung về tình hình hoạt động trong năm của thương nhân và kiến nghị, đề xuất:

1. Đánh giá chung
2. Kiến nghị, đề xuất

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung báo cáo.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)⁹

⁹ Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức



PHỤ LỤC II

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28 /2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Trang bìa^{18 19}

(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TW...)



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM

Số.....

¹⁸ Bìa cứng, kích thước khổ A3 gấp đôi, nền màu đỏ, chữ và quốc huy vàng.

¹⁹ Cụm từ “Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ...” theo quy định tại điểm a, khoản 7 Điều 26 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Trang thứ nhất²⁰

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH,
THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TW²¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN

**ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC
NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Số:.....

Cấp lần đầu: ngày...tháng...năm...
Điều chỉnh lần thứ...: ngày...tháng...năm...
Gia hạn lần thứ...: ngày...tháng...năm...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TW²²

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số /2012/TT-BCT ngày tháng năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

Xét đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam của..... (tên thương nhân nước ngoài),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép.....(ghi bằng chữ in hoa theo tên thương nhân ghi trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

- Nơi đăng ký thành lập/đăng ký kinh doanh:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Lĩnh vực hoạt động chính:.....

được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam theo các quy định tại Thông tư số..../2012/TT-BCT ngày tháng năm 2012.

²⁰ Bìa cứng, kích thước khổ A4, nền hoa văn chìm màu vàng, chữ đen; in hai mặt

²¹ Cụm từ “Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ...” theo quy định tại điểm b, khoản 7 Điều 26 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²² Cụm từ “Bộ trưởng Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ...” theo quy định tại điểm b, khoản 7 Điều 26 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 2. Tên Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam

- Tên thương nhân nước ngoài: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên thương nhân nước ngoài trong đơn đề nghị).....
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong đơn đề nghị).....
- Tên viết tắt: (nếu có).....



3. Trang thứ 2²³

Điều 3. Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (ghi theo Đơn đề nghị)

Họ và tên:
Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....
Điện thoại:.....Fax:.....
Email:.....Website (nếu có):.....

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của thương nhân nước ngoài

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa).....Giới tính:.....
Quốc tịch:.....
Hộ chiếu/chứng minh nhân dân số:.....
do:.....Cấp ngày... tháng... năm..... tại.....

Điều 5. Ngành hàng kinh doanh của thương nhân nước ngoài

1. Nhóm hàng xuất khẩu:.....
2. Nhóm hàng nhập khẩu:.....

Điều 6. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Giấy chứng nhận này có thời hạn hiệu lực 05 (năm) năm, kể từ ngày được cấp.

Điều 7. Giấy chứng nhận này được lập thành 03 (ba) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho:... (tên thương nhân nước ngoài theo đơn đề nghị); 01 (một) bản lưu tại (cơ quan cấp phép²⁴); 01 (một) bản gửi (cơ quan Hải quan²⁵)/.

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ của người ký)

²³ Bìa cứng, kích thước khổ A4, nền hoa văn chìm màu vàng, chữ đen; in hai mặt

²⁴ Cụm từ “Bộ Công Thương” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan cấp phép” theo quy định tại điểm c, khoản 7 Điều 26 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²⁵ Cụm từ “Tổng cục Hải quan” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan Hải quan” theo quy định tại điểm c, khoản 7 Điều 26 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

PHỤ LỤC III

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28 /2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ Công Thương)

I. Hướng dẫn cách ghi một số chi tiết trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

1. Điện thoại, fax trong nước: ghi mã (code) theo thứ tự: tỉnh/thành phố, số thuê bao, ví dụ về ghi số điện thoại tại Hà Nội: **04.8325909**

2. Điện thoại, fax nước ngoài: ghi mã (code) theo thứ tự: nước. vùng. Số thuê bao, tiền mã vùng ghi theo thứ tự đơn vị hành chính từ lớn đến nhỏ nếu quốc gia đó có quy định, ví dụ về ghi số điện thoại tại Tokyo: **81. 3. 32373576**

3. Giới tính: trong trường hợp in trang ruột qua máy vi tính thì in nghiêng, đậm; ví dụ giới tính là nam, in như sau: **Nam.**

4. Cấp lần đầu: ngày... tháng... năm... : tất cả các Giấy chứng nhận phải ghi rõ thông tin này, ví dụ cấp Giấy chứng nhận lần đầu ngày 01/02/2007 thì trên Giấy chứng nhận ghi như sau:

Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2001

5. Cấp lại lần...: ngày... tháng... năm...: ghi số thứ tự và ngày tháng của lần cấp lại gần nhất, ví dụ cấp Giấy chứng nhận lần đầu ngày 01/02/2012, cấp lại Giấy chứng nhận lần thứ nhất ngày 15/02/2012 và cấp lại lần 2 ngày 30/6/2012 thì trên Giấy chứng nhận ghi:

Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2012

Cấp lại lần 2: ngày 30 tháng 6 năm 2012

6. Điều chỉnh lần...: ngày... tháng... năm...: ghi số thứ tự và ngày tháng của lần điều chỉnh gần nhất, ví dụ cấp Giấy chứng nhận lần đầu vào ngày 01/02/2012, cấp lại Giấy chứng nhận lần thứ nhất ngày 15/02/2012, điều chỉnh Giấy chứng nhận lần thứ nhất ngày 30/4/2007 và điều chỉnh Giấy chứng nhận lần thứ 2 ngày 25/6/2012 thì trên Giấy chứng nhận ghi:

Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2012

Điều chỉnh lần 2: ngày 25 tháng 6 năm 2012

Cấp lại lần 1: ngày 15 tháng 02 năm 2012

7. Gia hạn lần...: ngày... tháng... năm...: ghi số thứ tự và ngày tháng của lần gia hạn gần nhất, ví dụ cấp Giấy chứng nhận lần đầu vào ngày 01/02/2012, cấp lại Giấy chứng nhận lần thứ nhất ngày 15/02/2012, điều chỉnh Giấy chứng nhận lần thứ nhất ngày 30/4/2012 và điều chỉnh Giấy chứng nhận lần thứ 2 ngày 25/6/2012, gia hạn lần thứ nhất ngày 01/5/2013 và gia hạn lần thứ 2 ngày 01/7/2013 thì trên Giấy chứng nhận ghi:

Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2012

Điều chỉnh lần 2: ngày 25 tháng 6 năm 2012

Gia hạn lần 2: ngày 01 tháng 7 năm 2013

Cấp lại lần 1: ngày 15 tháng 02 năm 2012

II. Hướng dẫn ghi Phong (font) chữ, cỡ chữ, kiểu chữ trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

TT	Thành phần thể thức	Phông (font) chữ	Cỡ chữ	Kiểu chữ	Ví dụ
1	Trang bìa: Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Times new Roman Times new Roman	- -	Đậm, in hoa Đậm, in hoa	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM
2	Tiêu đề	Times new Roman	13 13	Đậm, in hoa	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
3	Số Giấy chứng nhận	Times new Roman	13	Đậm và nghiêng	Số: 01-000010
4	Ngày cấp	Times new Roman	10	Thường và nghiêng	<i>Cấp lần đầu: ngày... tháng... năm...</i> <i>Điều chỉnh lần...: ngày... tháng... năm...</i>
5	Tên cơ quan cấp	Times new Roman	13	Đậm, in hoa	BỘ CÔNG THƯƠNG
6	Tên Giấy chứng nhận	Times new Roman	13	Đậm, in hoa	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM
7	Các nội dung ghi sẵn trên mẫu	Times new Roman	13	Thường	Tên thương nhân nước ngoài:..... Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....
8	Điều	Times new Roman	13	Đậm	Điều 1.
9	Thẻ thức để ký	Times new Roman	13	Đậm, in hoa	GIÁM ĐỐC
10	Họ tên người ký	Times new Roman	13	Đậm	Nguyễn Văn A